

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS-ST

Ngày 19-10-2023

“V/v Kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn

Ông Phan Sỹ Phác.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2023/TLST-DS, ngày 02 tháng 08 năm 2023 về việc “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M1, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Bà Hồ Nữ Mỹ T1 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M1, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đồng Văn N, sinh năm 1988 (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/9/2023) – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 11 Đ1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2023, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Tháng 12/2017, bà Nguyễn Thị Kim T cho bà Hồ Nữ Mỹ T1 mượn 1.300 kg cà phê nhân xô đủ độ. Hai bên có xác lập giấy vay nợ, bà T là người viết giấy vay nợ, thỏa thuận thời hạn trả là tháng 12/2018, không thỏa thuận lãi suất. Khi cho mượn bà T không giao cà phê mà giao số tiền tương ứng với giá cà phê tại thời điểm tháng 12/2017 là 36.600 đồng/kg cà phê nhân xô đủ độ, tổng số tiền bà T giao cho bà T1 là 47.580.000 đồng. Trong quá trình vay nợ, bà T1 đã trả cho bà T 14.000.000 đồng, hai bên thống nhất trừ số tiền này cho 300 kg cà phê nhân xô đủ độ.

Tuy nhiên, đã quá thời hạn trả bà T1 không thực hiện hết nghĩa vụ theo thỏa thuận. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T1 phải trả cho bà T 1000 kg cà phê nhân xô đủ độ, giá cà phê tại thời điểm khởi kiện là 67.000 đồng/kg; giá trị của 1000 kg cà phê nhân xô đủ độ là 67.000.000 đồng. Bà T cũng đi lấy tiền tại đại lý cà phê để cho bà T1 mượn nên đây là khoản tiền riêng của bà T, không liên quan gì đến chồng bà ông Nguyễn Cao T2.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hồ Nữ Mỹ T1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bà T1 thừa nhận vào cuối năm 2017 có vay của bà Nguyễn Thị Kim T 1000 kg cà phê tươi. Việc vay mượn có làm giấy vay nợ và thỏa thuận thời hạn trả nợ là tháng 12/2018. Cuối năm 2017 bà T1 có trả cho bà T 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Đến cuối năm 2019 bà T1 bẻ nợ nên có xin bà T cho trả nợ dần, bà T1 đã trả thêm cho bà T 14.000.000 đồng cụ thể: Năm 2020 trả 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); năm 2021 trả 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); tháng 04/2023 trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng số tiền bà T1 đã trả cho bà T là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng). Những lần trả nợ trên bà T và bà T1 không lập giấy xác nhận mà chỉ nói miệng với nhau. Bà T1 cho rằng bà T1 chỉ vay bà T 1000 kg cà phê tươi, trong giấy vay nợ xác lập vào tháng 12/2017 ghi 1300 kg là do bà T tự gộp chung tiền lãi vào. Vì vậy, nay bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả 1000 kg cà phê nhân xô đủ độ thì bà T1 không đồng ý.

Do lời khai của các đương sự có mâu thuẫn về số lượng cà phê, loại cà phê, số tiền bà T1 đã trả, Tòa án đã tiến hành đối chất nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án không đối chất được.

Ngày 07/9/2023, Tòa án ra Quyết định số 06/2023/QĐ-BPKCTT về việc “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” đối với bà Hồ Nữ Mỹ T1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của mình. Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS, bị đơn và đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chưa chấp hành tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vắng mặt một số buổi làm việc và tại phiên tòa, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hồ Nữ Mỹ T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim T 1000 kg nhân xô đủ độ và chịu án phí DSST.

Các tài liệu, chứng cứ bao gồm: 01 giấy vay nợ lập tháng 12/2017 (Bản gốc); 01 căn cước công dân (Photo). Đây là các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Các đương sự không thống nhất với nhau được hướng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Nữ Mỹ T1 phải trả 1000kg cà phê nhân xô đủ độ nên đây là tranh chấp “*Kiện đòi tài sản*” quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Hồ Nữ Mỹ T1 có nơi cư trú tại thôn Đ, xã M1, huyện M, tỉnh Đắk Nông, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Tính đến trước ngày Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil ra bản án, quyết định giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì không áp dụng thời hiệu đối với vụ án này.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Cuối năm 2017, bà Hồ Nữ Mỹ T1 có vay cà phê của bà Nguyễn Thị Kim T. Điều này thể hiện qua giấy vay cà phê lập tháng 12 năm 2017. Bị đơn bà T1 thừa nhận giữa bà và bà T có xác lập giao dịch vay cà phê, giấy vay nợ mà bà T cung cấp tại Tòa án đúng giấy vay nợ do bà T1 viết và ký nhận khi các bên đã xác lập giao dịch vay; việc bà T1 viết, ký nhận các giấy vay nợ là tự nguyện. Nguyên đơn thừa nhận trong quá trình vay cà phê, bà T1 đã trả được 14.000.000 đồng và các bên thống nhất trừ vào giá trị tương đương 300kg cà phê nhân xô đủ độ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự đây là những tình tiết không phải chứng minh.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Nữ Mỹ T1 phải trả 1000 kg cà phê nhân xô đủ độ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là “*Giấy vay nợ*” đề tháng 12/2017, phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn. Các bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ là tháng 12/2018. Hợp đồng vay cà phê lập tháng 12/2017 được các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong quá trình vay cà phê, bà T1 trả cho bà T được 14.000.000đ, các bên thống nhất trừ vào giá trị tương đương 300kg cà phê nhân xô đủ độ. Còn 1000 kg cà phê nhân xô đủ độ, quá thời hạn trả nợ, bà T1 không trả cho bà T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 trả 1000kg cà phê nhân xô đủ độ là có căn cứ.

Nội dung giấy vay nợ tháng 12/2017 không thể hiện rõ việc loại cà phê bà T1 vay bà T là cà phê tươi hay cà phê nhân xô đủ độ. Bị đơn cho rằng chỉ vay cà phê tươi và số tiền bà nhận từ bà T là khoảng 33.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 19/9/2023 của Tòa án tại Đại lý cà phê Vân Chuyên, địa chỉ: Thôn T3, xã M1, huyện M, tỉnh Đắk Nông (là đại lý mà bà T mượn tiền đưa cho bà T1 vay quy ra cà phê) cung cấp thông tin: Vào thời điểm tháng 12/2017, giá cà phê nhân xô đủ độ khoảng 36.600 đồng – 36.700 đồng/kg, giá cà phê tươi khoảng 8.500 đồng/kg. Đồng thời, giá thị trường từ năm 2017 đến nay, chưa có thời điểm nào giá cà phê tươi có giá 33.000đ/kg. Nên việc bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 trả 1000 kg cà phê nhân xô đủ độ là có căn cứ.

Bị đơn cho rằng số lượng cà phê mà bà vay của bà T là 1000kg, còn 300 kg cà phê là lãi; bà đã trả cho bà T nhiều lần tổng cộng là 24.000.000đ. Tuy nhiên, bà T chỉ thừa nhận bà đã trả cho bà T 14.000.000đ. Ngoài lời trình bày, bà T1 không cung cấp được các chứng cứ để chứng minh cho quan điểm của mình nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận quan điểm trên của bị đơn.

Nội dung giấy vay tiền tháng 12/2017 thể hiện thời hạn bà T1 có nghĩa vụ trả cà phê là tháng 12/2018, các bên không thỏa thuận lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự:

Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

....”

Từ những nhận định trên, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hồ Nữ Mỹ T1 trả cho bà Nguyễn Thị Kim T 1000kg cà phê nhân xô đủ độ.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của bị đơn, HĐXX xét thấy cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 06/2023/QĐST-DS ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Hồ Nữ Mỹ T1 phải chịu T2 bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá cà phê nhân xô đủ độ theo giá thị trường trong ngày 19/10/2023 trên internet là 56.900đ/kg; giá trị 1000kg cà phê nhân xô đủ độ là 56.900.000đ. Do đó án phí DSST là $56.900.000đ \times 5\% = 2.845.000đ$ (Hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Kim T T2 bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

Buộc bà Hồ Nữ Mỹ T1 trả cho bà Nguyễn Thị Kim T 1000 (Một nghìn) kg cà phê nhân xô đủ độ.

2. Về án phí: Bị đơn bà Hồ Nữ Mỹ T1 phải nộp 2.845.000đ (*Hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí DSST.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 1.675.000 đồng (*Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên theo biên lai số 0009415, ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 06/2023/QĐST-DS ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu**